

Bản án số: 70/2022/HC-PT

Ngày 18 – 01 – 2022

V/v: “Khiếu kiện hành vi không ban hành
quyết định thu hồi đất, bồi thường khi nhà
nước thu hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 126/2021/TLPT-HC ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện hành vi không ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2020/HC-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 664/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn T; cư trú tại 132/38 đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (đã chết năm 2014).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:

1. Bà Lê Thị N, cư trú tại số 132/38A đường 3/2 phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Lê Thị L, cư trú tại số 29 đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Bà Lê Thị H1, cư trú tại hẻm 25 đường N, phường H, quận N, thành

phố Cần Thơ.

4. Ông Lê Văn K, cư trú tại số 132/38 đường 3/2 phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Lê Thị N1, cư trú tại hẻm 25, đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

6. Lê Hữu P, cư trú tại số 132/38 đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

7. Bà Lê Thị P1, cư trú tại số 132/38A đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

8. Bà Lê Thị P2, cư trú tại số 02 đường B2, khu dân cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T: Ông Nguyễn Kỳ V; cư trú tại số 160/24 đường 30/4, phường An Phú, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2014, ngày 19/5/2020) (vắng mặt).

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận N;

Địa chỉ: Số 215 đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Huỳnh Trung T, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Mai Huỳnh K; cư trú tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Ông Trần Văn T; cư trú tại 48-50 đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Kỳ V (đại diện theo ủy quyền cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, phía người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Để thực hiện dự án xây dựng Siêu thị Metro Cash, Ủy ban nhân dân quận N đã thu hồi phần đất của ông Lê Văn T.

Ngày 14/8/2004, gia đình ông đã giao toàn bộ phần đất bị thu hồi (trong đó có 260m² đất nói trên) cho Ban giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án

nhưng đến nay không có quyết định thu hồi cũng như bồi thường phần đất này.

Sau đó, gia đình ông có khiếu nại liên tục nhưng vẫn không được giải quyết. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định thu hồi đất và thực hiện thủ tục bồi thường phần đất 260m² tại phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N có văn bản trình bày ý kiến:

Qua kiểm tra Bản đồ địa chính 364 thì vị trí, giới hạn nương và nương ranh nằm dọc theo các thửa đất số 76, 79, 89A thuộc tờ bản đồ số 07 và các thửa đất số 4B, 5B, 15 và 17 thuộc tờ bản đồ số 09, diện tích khoảng 755,8m². Tuy nhiên, theo sơ đồ thửa đất trên giấy chứng nhận được cấp cho các hộ dân liên quan nương mà ông T khai, gồm ông Mai Thanh L – bà Trần Thị Bích L2, hộ ông Dương Hữu H, ông Lê Văn T và ông Lê Văn L1 không thể hiện vị trí, giới hạn nương và nương ranh nêu trên. Cụ thể:

** Phần nương và nương ranh đi qua đất của ông Lê Văn T:* Qua đối chiếu bản đồ địa chính 364 cho thấy một phần diện tích nương và nương ranh đã được cấp Giấy chứng nhận số 02561.QSDĐ ngày 31 tháng 8 năm 2001 cho ông Lê Văn T, thuộc thửa đất số 89A, tờ bản đồ số 07; thửa đất số 4B và số 15, tờ bản đồ số 09. Sau đó, ông T chuyển nhượng toàn bộ diện tích thuộc thửa đất 89A, tờ bản đồ số 07; toàn bộ diện tích thuộc thửa đất số 4B và một phần đất thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 09 cho ông Lê Văn L1. UBND tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Lê Văn T Giấy chứng nhận số 03200.QSDĐ ngày 18 tháng 02 năm 2002. Ông L2 bị thu hồi một phần đất với diện tích 1.568,9m² đất ruộng (bao gồm phần diện tích nương và nương ranh đã được cấp Giấy chứng nhận) theo Quyết định số 4675/QĐ.UB ngày 15 tháng 7 năm 2005 của UBND quận N để xây dựng Siêu thị Metro Cash và được Hội đồng bồi thường dự án chi trả theo quy định.

** Phần nương và nương ranh đi qua đất của ông Mai Thanh L – bà Trần Thị Bích L2:*

Ngày 22 tháng 10 năm 1998, UBND tỉnh Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401140337 cho ông Mai Thanh L – bà Trần Thị Bích L2 với diện tích: 109,4m², thửa đất số 805, tờ bản đồ số 110471-6-(07); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00738.QSDĐ với diện tích: 1.397,5m² loại đất vườn (LNK), thửa đất số 804, tờ bản đồ số 110471-6-(07), phường H. Đối chiếu bản đồ địa chính 364 thì vị trí thửa đất số 804 và 805, tờ bản đồ số 110471-6-(07) tương ứng vị trí thửa đất số 76, tờ bản đồ số 07, diện tích là 1.506,7m². Do đó, một phần nương và nương ranh đã được cấp Giấy chứng nhận cho ông L1 – bà L. Sau khi ông L1 – bà L chuyển nhượng một phần đất vườn thuộc thửa đất số 804, tờ bản đồ số 07 cho một số hộ dân, trong đó: Phần đất chuyển nhượng cho ông Dương Minh Đạt với diện tích 324,5m² đã bao gồm phần diện tích nương ranh đi qua thửa đất số 804. UBND thành phố Cần Thơ cấp cho ông Đ Giấy chứng nhận số 04344.QSDĐ ngày 09 tháng 12 năm

2002. Toàn bộ diện tích 324,5m² này (bao gồm phần diện tích nương rãnh) của hộ ông Đ bị thu hồi theo Quyết định số 2675/QĐ.UB ngày 05 tháng 8 năm 2004 của UBND quận N và Hội đồng bồi thường dự án đã chi trả theo, quy định.

** Phần nương và nương rãnh đi qua đất của hộ ông Dương Hữu H:* Qua đối chiếu bản đồ địa chính 364 cho thấy một phần diện tích nương và nương rãnh đã được UBND tỉnh Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận số 02297.QSĐĐ ngày 01 tháng 6 năm 2001 cho hộ ông Dương Hữu H, thuộc thửa đất số 79A, tờ bản đồ số 07; thửa đất số 5B và số 17, tờ bản đồ số 09. Từ cơ sở trên cho thấy việc ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu bồi thường phần đất nương 260m² đã giao cho Ban giải phóng mặt bằng nhưng chưa nhận tiền để thực hiện dự án xây dựng Siêu thị Metro Cash và khu tái định cư Siêu thị Metro Cash là không có cơ sở xem xét giải quyết do toàn bộ phần nương và nương rãnh đã được cấp Giấy chứng nhận cho các hộ dân ông L1, ông H1, ông L2 và ông Đ; đồng thời, đã được Hội đồng bồi thường dự án đo đạc, kiểm kê, chi trả theo quy định. Căn cứ điểm a, Khoản 2, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”. Cho thấy, từ năm 2004, UBND quận N tiến hành thu hồi đất của các hộ dân và của ông Lê Văn T; thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ theo quy định để xây dựng dự án Siêu thị Metro Cash và khu tái định cư Siêu thị Metro Cash và dự án đã hoàn chỉnh, hoạt động đến nay là 16 năm. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bồi thường thêm phần nương 260m là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T vì thời hiệu đã hết. Việc Ủy ban nhân dân quận N ban hành trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ các hộ dân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm phần đất nương và nương rãnh) là đúng quy định của pháp luật; đồng thời giữ nguyên nội dung các quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân quận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2020/HC-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 38, khoản 1 khoản 2 và khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 130 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định thu hồi đất và thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ và

tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với phần diện tích đất nương 260 m² tại phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/11/2020, ông Nguyễn Kỳ V (đại diện theo ủy quyền cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn T) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Kỳ V có đơn đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, đồng thời xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Ông Lê Văn T đã chuyển nhượng phần diện tích đất liên quan phần ranh nương nước cho các hộ dân, gồm ông Mai Thanh L – bà Trần Thị Bích L2, hộ ông Dương Hữu H, ông Lê Văn T và ông Lê Văn L1, khi bị thu hồi đất để xây dựng Siêu thị Metro Cash thì những người này đã được Hội đồng bồi thường dự án chi trả theo quy định. Việc Ủy ban nhân dân quận N ban hành và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ các hộ dân cách đây rất lâu và không có ai khiếu nại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất diện tích nương nước có diện tích 260m² và bồi thường thực hiện thủ tục bồi thường đất, thì diện tích nương nước khiếu kiện này liên quan đến ranh đất mà ông T đã chuyển nhượng cho các ông bà Mai Thanh L, Trần Thị Bích L2, Dương Hữu H và Lê Văn L1. Như vậy, án sơ thẩm chưa xác định vị trí mốc giới ranh đất và không triệu tập các ông bà Mai Thanh L, Trần Thị Bích L2, Dương Hữu H và Lê Văn L1 tham gia tố tụng là đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T đúng về nội dung, hình thức và được nộp trong hạn luật định nên được xem là kháng cáo hợp lệ.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Việc thu hồi đất của ông T để thực hiện dự án xây dựng siêu thị Metro Cash và khu dân cư Tây Nam, Quốc lộ 91B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ vào năm 2005. Diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi theo Quyết định 3147 là 3.325,30 m². Phần diện tích 260 m² mà ông T yêu cầu là đất nương. Do quyết định thu hồi đất đối với ông T vào thời điểm năm 2005, ông T liên tục có đơn khiếu nại, trong đó có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND quận N ngày 15/01/2007 là trước khi Luật tổ tụng hành chính năm 2010 có hiệu lực. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ căn cứ điểm a khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính để xác định yêu cầu khởi kiện của ông T còn thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

Xét thấy, Ủy ban nhân dân quận N cho rằng toàn bộ phần nương và nương ranh đã được cấp Giấy chứng nhận cho các hộ dân ông L1, ông H1, ông L2 và ông Đ. Tuy nhiên nhận định của bản án sơ thẩm lại xác định phần diện tích 260 m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Phần diện tích này để được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì người khởi kiện phải có các giấy tờ về đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Phần đất 260 m² được những người lân cận của ông T xác định thuộc quyền sử dụng của ông T nhưng về mặt giấy tờ thì ông T không có các giấy tờ đã nêu và các bên đều xác định là đất nương nên không đủ điều kiện bồi thường. Từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nhận định của bản án sơ thẩm về căn cứ không bồi thường cho hộ ông Lê Văn T không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại điều 50 Luật đất đai năm 2003. Nhưng UBND quận N cho rằng trước khi thu hồi đất, hộ ông Lê Văn T đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho một số hộ gia đình khác trong đó có toàn bộ diện tích nương nước. Do đó cần làm rõ để làm căn cứ có chấp nhận yêu cầu UBND quận N phải bồi thường cho hộ gia đình ông Lê Văn T hay không. Vì nếu như quan điểm của UBND quận N thì cần phải được làm

rõ, diện tích nương nước 260m² (4m x 65m) như yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T có nằm trong diện tích đất đã được hộ ông Lê Văn Kiểu chuyển nhượng cho các hộ khác hay không. Còn nếu như diện tích nương đất 260m² khi nhà nước thu hồi không chuyển nhượng cho các hộ dân khác thì cần xác định, diện tích nương nước và diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hai thửa đất độc lập hay liền kề, diện tích thực tế hộ ông Lê Văn T sử dụng là bao nhiêu, tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp nào, có lấn chiếm hay không. Hiện trạng ranh giới thửa đất có thay đổi so với thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không. Diện tích tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tranh chấp với các hộ liền kề hay không và có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ không. Nguyên nhân diện tích đất ghi nhận trong GCNQSDĐ không đúng thực tế sử dụng. Quá trình sử dụng đất hộ ông Lê Văn T có biết GCNQSDĐ thiếu so với thực tế sử dụng không, lý do không đề nghị điều chỉnh diện tích đất. Để từ đó áp dụng các chính sách theo quy định của pháp luật về đất đai, làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đồng thời, căn cứ quyết định số 3147/ QĐ-UB ngày 24 tháng 3 năm 2005 thì UBND quận N, thành phố Cần Thơ thu hồi phần diện tích đất 3.325,30m² loại đất ruộng + vườn của hộ ông Lê Văn T thuộc thửa 03,11,17 tờ bản đồ số 01, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ thì cần phải xem xét phần diện tích 260m² đất nương nằm ở vị trí thửa đất số bao nhiêu để xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Bởi vì việc diện tích đất thuộc khu vực phường H, quận N, thành phố Cần Thơ trong đó có đất của hộ ông Lê Văn T được UBND quận N giao để xây dựng siêu thị Metro Cash là theo các quyết định thu hồi của UBND quận N.

Với những thiếu sót nêu trên cần phải thu thập thêm chứng cứ mà cấp phúc thẩm không bổ sung ngay được, do đó cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại. Do đó chấp nhận một phần đơn kháng cáo của người khởi kiện.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án. Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2020/HC-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện không phải chịu.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Cần Thơ; (1)
- VKSND TP Cần Thơ; (1)
- Cục THADS TP Cần Thơ; (1)
- Đương sự; (9)
- Lưu VT (6), HS (2) T.22 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long